

Bản án số: 92/2021/HS-ST

Ngày: 15 - 11 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Công Bình.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Bùi Thế Hòa;
2. Bà H'Rum Niê.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Vinh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Thông - Kiểm sát viên

Ngày 15 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 92/2021/TLST-HS ngày 07 tháng 10 năm 2021, đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Đức T; sinh năm: 1971, tại tỉnh Thái Nguyên;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ N, phường H, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên; nơi cư trú: Đường T, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Thợ cửa sắt; trình độ học vấn: 12/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đức T2 (đã chết); con bà Đinh Thị C, sinh năm 1933; bị cáo có vợ là Trần Phương L, sinh năm 1976 và 03 con, con lớn sinh năm 1996, con nhỏ sinh năm 2010; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/12/2020, hiện đang tạm giam, có mặt tại phiên tòa.

2. Trịnh Xuân T1; sinh năm: 1965, tại tỉnh Thái Nguyên;

Nơi cư trú: Tổ M, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 12/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trịnh Đức M (đã chết); con bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1944; bị cáo có vợ là Ngô Thị Minh H, sinh năm 1969 và 01 con sinh năm 1996; tiền án, tiền sự: Không; về nhân thân: Năm 2000, bị Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội xử phạt 03 năm tù giam về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” (theo Bản án phúc thẩm số 1775 ngày 24/8/2000), chấp hành xong hình phạt ngày 15/7/2002; Năm 2006, bị Tòa án nhân dân tỉnh T xử phạt 08 năm tù giam về

tội “Mua bán trái phép chất ma túy” (theo Bản án số 265/2006/HSST ngày 20/12/2006), chấp hành xong hình phạt ngày 21/9/2012 (đã được xóa án tích); bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 21/6/2021. Bị cáo đã chết vào ngày 06/11/2021, theo Thông báo về việc người bị tạm giam chết số 1643/TB-PC11 ngày 07/11/2021 của Trại tạm giam, Công an tỉnh Đắk Lắk.

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Đức T theo yêu cầu của Tòa án:* Luật sư Nguyễn Tiên T - Luật sư Văn phòng Luật sư B, Đoàn Luật sư tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ: Đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Bà Trịnh Thị Mỹ H, sinh năm 1996; địa chỉ: Tổ M, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên, vắng mặt.

2. Ông Vũ Văn G, sinh năm 1994; địa chỉ: Xóm L, xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, vắng mặt.

3. Ông Trần Tiến Đ, sinh năm 1977; địa chỉ: Xóm T, xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, vắng mặt.

4. Ông Vũ Phú T3, sinh năm 1990; địa chỉ: Tổ dân phố N, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

5. Ông Nguyễn Văn U, sinh năm 1982; địa chỉ: Tổ dân phố N, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 09 giờ 00 phút ngày 09/12/2020, tại trước nhà số S, đường 30/4, thuộc phường Ea Tam, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột phát hiện bắt quả tang Nguyễn Đức T đang có hành vi cất giấu 02 gói thuốc nam, bên trong có 02 gói nylon chứa chất rắn dạng cục màu trắng, T khai nhận đây là chất ma túy, loại Heroine mua của Trịnh Xuân T1, sinh năm 1965, trú tại Tổ M, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên, T1 gửi qua nhà xe H từ tỉnh Thái Nguyên vào thành phố Buôn Ma Thuột cho T.

Căn cứ lời khai của Nguyễn Đức T, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk mở rộng điều tra xác định: Khoảng hơn 10 năm trước, khi T sinh sống tại thành phố T, tỉnh Thái Nguyên, T và T1 có quen biết nhau. Đến năm 2013, T cùng vợ con vào thành phố B, tỉnh Đắk Lắk làm ăn, sinh sống. Từ đầu năm 2020 đến trước ngày bị bắt, T nhiều lần sử dụng số điện thoại 03782417xx và số 08234170xx gọi vào các số điện thoại 09137957xx và số 09654990xx của T1 và nhiều lần T chuyển tiền vào tài khoản số 1078710147xx tại Ngân hàng Công thương của T1 và tài khoản

ngân hàng BIDV số 398100004396xx của Trịnh Thị Mỹ H con gái của T1, để giao dịch mua chất ma túy với mục đích sử dụng và bán kiếm lời (T đã chuyển tiền cho T1 24 lần với tổng số tiền là 484.600.000 đồng, trong đó có 02 lần T chuyển tiền vào tài khoản của H con gái T1 tổng số tiền 65.500.000 đồng). Với phương thức như trên, ngày 07/12/2020, T điện thoại thỏa thuận mua 02 “cây” chất ma túy loại Heroine của T1 với giá 66.000.000 đồng và chuyển tiền cho T1. T1 đồng ý và đi mua chất ma túy của một người nam giới (không rõ lai lịch) ở khu vực đường vòng xoay khu gang thép Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên rồi gửi chất ma túy qua nhà xe H từ tỉnh Thái Nguyên vào thành phố B, tỉnh Đắk Lắk cho T, khi T đang nhận 02 gói thuốc nam bên trong chứa 02 gói chất ma túy thì bị Công an thành phố Buôn Ma Thuột bắt quả tang.

Tại Kết luận giám định số: 1111/GĐMT-PC09 ngày 14/12/2020, của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk, kết luận: Chất rắn dạng cục màu trắng đựng trong 02 (hai) gói nylon được niêm phong gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng: 74,4954 gam, loại Heroine.

Bản Cáo trạng số 90/CT-VKS-P1 ngày 05/10/2021, của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk truy tố các bị cáo Nguyễn Đức T và Trịnh Xuân T1 về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 251 Bộ luật hình sự năm 2015.

Đối với bị cáo Trịnh Xuân T1: Trước ngày mở phiên tòa bị cáo đã chết, do đó Tòa án đã đình chỉ vụ án đối với bị cáo Trịnh Xuân T1 tại Quyết định đình chỉ xét xử số: 02/2021/QĐ-ĐC, ngày 09/11/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Kết quả xét hỏi tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Đức T đã khai nhận toàn bộ hành vi mà bị cáo đã thực hiện đúng như nội dung vụ án đã được tóm tắt nêu trên.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Đã phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Đức T, giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng và khẳng định hành vi của bị cáo Nguyễn Đức T đã phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 3 Điều 251 của Bộ luật hình sự năm 2015; phân tích các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức T mức án từ 16 năm đến 17 năm tù.

Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu tiêu hủy số ma túy đã thu giữ còn lại sau giám định là 74,1293 gam, loại Heroine, đã được niêm phong; tịch thu tiêu hủy 01 cân điện tử màu đen, 04 sim

điện thoại gồm các số: 08234170xx, 03782417xx, 09654990xx và 03995972xx, là phương tiện mà các bị cáo sử dụng vào mục đích phạm tội.

- Tịch thu sung ngân sách Nhà nước phương tiện phạm tội, gồm: 01 chiếc điện thoại di động hiệu Nokia X1, màu đen, Imel 353289/05/424168/4 và 01 chiếc điện thoại di động hiệu Samsung, màu bạc, Imel 355079/08/270316/1 của bị cáo Nguyễn Đức T; 01 điện thoại di động hiệu Nokia, màu đen, Imel 1: 355810097116894, Imel 2: 35582609216895 của Trịnh Xuân T1.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Đức T giấy 01 Chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Đức T; trả lại 01 Chứng minh nhân dân mang tên Trịnh Xuân T1 cho gia đình Trịnh Xuân T1.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Đức T trình bày ý kiến bào chữa: Đồng ý với Cáo trạng và không có ý kiến gì về việc truy tố của Viện kiểm sát đối với bị cáo; tuy nhiên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét về nguyên nhân phạm tội là do bị cáo là người nghiện ma túy, nên mua ma túy về để sử dụng và bán lại lấy lợi nhuận để có ma túy sử dụng cho bản thân; bị cáo phạm tội lần đầu, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là: Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; gia đình bị cáo có công với Cách mạng, ông Nội của bị cáo là Liệt sỹ, hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và áp dụng mức hình phạt thấp hơn mức mà Viện kiểm sát đã đề nghị.

Bị cáo Nguyễn Đức T đồng ý với lời bào chữa của Luật sư và không có ý kiến tranh luận, bào chữa gì thêm. Bị cáo nói lời sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bào chữa cho bị cáo, không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo Nguyễn Đức T tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra và lời khai của đối tượng Trịnh Xuân T1, phù hợp với lời khai của người làm chứng và phù hợp với các chứng cứ, tài liệu đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

[3] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về tội danh truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, phù hợp với pháp luật. Đối với ý kiến bào chữa của người bào chữa cho bị cáo về các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo là có căn cứ, nên cần chấp nhận.

[4] Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 09 giờ 00 phút ngày 09/12/2020, trước nhà số S, đường 30/4 thuộc phường Ea Tam, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột phát hiện bắt quả tang Nguyễn Đức T đang có hành vi cất giấu 02 gói thuốc nam, bên trong có 02 gói nylon chứa chất rắn dạng cục màu trắng và đã tiến hành thu giữ vật chứng, niêm phong theo quy định. Bị cáo T khai nhận số ma túy này bị cáo mua của Trịnh Xuân T1, mục đích để sử dụng và bán lại thu lợi nhuận. Kết quả giám định đã xác định chất rắn dạng cục màu trắng đựng trong 02 gói nylon đã thu giữ của bị cáo Nguyễn Đức T là ma túy, có khối lượng 74,4954 gam, loại Heroine. Qua điều tra xác định từ đầu năm 2020 cho đến ngày bị bắt giữ, T đã 24 lần gửi tiền cho Trịnh Xuân T1, với tổng số tiền là 484.600.000 đồng, để mua ma túy nhiều lần về sử dụng và bán lại cho những người nghiện. Như vậy, hành vi của bị cáo Nguyễn Đức T đã phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 251 của Bộ luật hình sự.

Điều 251 của Bộ luật hình sự quy định:

1. Người nào mua bán trái phép chất ma túy, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

2....

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 15 năm đến 20 năm:

a)...

b) Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 30 gam đến dưới 100 gam;”

Bị cáo Nguyễn Đức T là người có đầy đủ khả năng nhận thức và điều khiển được hành vi của bản thân trong cuộc sống, bị cáo biết được rằng ma túy là loại độc dược gây nghiện do Nhà nước độc quyền quản lý, mọi hành vi mua bán trái phép chất ma túy đều bị pháp luật nghiêm cấm và trừng trị nghiêm khắc. Song do ý thức coi thường pháp luật và vì mục đích tư lợi cá nhân mà bị cáo đã bất chấp pháp luật và cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện.

Tính chất của vụ án là đặc biệt nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là hết sức nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma túy, gây ảnh hưởng xấu về nhiều mặt cho xã hội; hành vi phạm tội của bị cáo còn là nguyên nhân gây tổn hại cho sức khỏe con người, đồng

thời còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an chung của xã hội. Do đó, cần phải áp dụng mức hình phạt thật nghiêm khắc, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện và cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định. Như vậy thì mới có tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo và mới đảm bảo tác dụng răn đe, phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội.

[5] Về tình tiết tăng nặng: Ngoài lần mua ma túy để bán lại bị bắt quả tang, bị cáo Nguyễn Đức T đã nhiều lần mua ma túy của Trịnh Xuân T1 để sử dụng và bán lại cho người khác, nên phải chịu tình tiết tăng nặng “Phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ: Xét thấy quá trình điều tra và tại phiên toà, bị cáo Nguyễn Đức T đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội đã thực hiện; bị cáo có ông nội Nguyễn Văn L là Liệt sỹ. Đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, nên Hội đồng xét xử cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, nhằm thể hiện chính sách nhân đạo, khoan hồng của pháp luật Nhà nước ta.

[7] Về xử lý vật chứng: Vật chứng và đồ vật, tài sản Cơ quan điều tra đã thu giữ, Hội đồng xét xử cần xử lý theo quy định tại Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, cụ thể như sau:

- Đối với số lượng ma túy đã thu giữ của bị cáo Nguyễn Đức T, sau giám định đã được gói trong 01 hộp giấy niêm phong bên trong có chứa 74,1293 gam, loại Heroine sau giám định và toàn bộ bao gói đựng mẫu vật gửi giám định ban đầu. Đây là chất độc gây nghiện, Nhà nước cấm tàng trữ nên cần tịch thu, tiêu hủy là đúng đắn.

- Quá trình điều tra còn thu giữ các tài sản, đồ vật, cụ thể: Thu giữ của bị cáo Nguyễn Đức T, gồm: 01 cân điện tử màu đen có chữ “POCKET SCALE” đã cũ; 01 chiếc điện thoại di động hiệu Nokia X1, màu đen, Imel 353289/05/424168/4, gắn sim 08234170xx (tình trạng đã cũ, không kiểm tra trong máy) và 01 chiếc điện thoại di động hiệu Samsung, màu bạc, Imel 355079/08/270316/1, gắn sim 03782417xx (điện thoại đã cũ, màn hình bị rạn nứt, không kiểm tra tình trạng trong máy). Thu giữ của Trịnh Xuân T1 01 điện thoại di động hiệu Nokia, màu đen, Imel 1: 355810097116894, Imel 2: 35582609216895, gắn sim số: 09654990xx và 03995972xx (đựng trong 01 phong bì niêm phong). Đây là công cụ, phương tiện mà các bị cáo sử dụng vào mục đích phạm tội, nên cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước là phù hợp.

- Đối với giấy tờ đã thu giữ là 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Trịnh Xuân T1 và 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Đức T. Đây là giấy tờ tùy thân của bị cáo, nên cần trả lại cho bị cáo T và gia đình Trịnh Xuân T1 (trả lại cho bà Trịnh Thị Mỹ H, là con của Trịnh Xuân T1), là đúng đắn.

- Đối với tài sản là xe mô tô nhãn hiệu Yomotor, số loại: 110, dung tích xi lanh: 107, số máy: 1P52FMH36A006667, số khung: CH0PD6A006667, biển số: 47M1-210.xx (bên ngoài vỏ xe dán chữ Airblade). Quá trình điều tra, đến nay chưa xác định được ai là chủ sở hữu hợp pháp, do đó Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk đã tách ra để tiếp tục xác minh làm rõ xử lý sau, nên không đề cập xử lý trong bản án này.

(Vật chứng hiện đang lưu giữ tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk, có đặc điểm cụ thể theo các Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 06/10/2021 và ngày 28/10/2021).

[8] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Đức T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Đối với bị cáo Trịnh Xuân T1: Do bị cáo đã chết trước ngày mở phiên tòa (Bị cáo đã chết vào ngày 06/11/2021, theo Thông báo về việc người bị tạm giam chết số 1643/TB-PC11 ngày 07/11/2021 của Trại tạm giam, Công an tỉnh Đắk Lắk). Do đó, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã ban hành Quyết định đình chỉ xét xử số: 02/2021/QĐ-ĐC, ngày 09/11/2021 đối với bị cáo Trịnh Xuân T1, nên không đề cập xử lý trong bản án này.

Trong vụ án này, đối với bà Trịnh Thị Mỹ H (là con gái Trịnh Xuân T1) có 02 lần nhận tiền do Nguyễn Đức T chuyển vào tài khoản, sau đó rút ra đưa cho Trịnh Xuân T1 nhưng bà H không biết việc mua bán trái phép chất ma túy giữa T và T1; đối với nhà xe H đã nhận vận chuyển 02 gói thuốc nam, nhưng không biết bên trong có chứa chất ma túy. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra không đề cập xử lý đối với bà Trịnh Thị Mỹ H và nhà xe H, là phù hợp. Đối với người nam giới (không rõ lai lịch) ở thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên, là người bán chất ma túy cho Trịnh Xuân T1, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk đã có văn bản trao đổi thông tin tội phạm đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thái Nguyên để tiếp tục xác minh, khi nào có đủ cơ sở sẽ đề nghị xử lý sau.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Đức T phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Áp dụng: Điểm b khoản 3 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: **Bị cáo Nguyễn Đức T 18 (mười tám) năm tù.** Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam, ngày 09/12/2020.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy số lượng ma túy đã thu giữ của bị cáo Nguyễn Đức T, sau giám định đã được gói trong 01 hộp giấy niêm phong bên trong có chứa 74,1293 gam, loại Heroine sau giám định và toàn bộ bao gói đựng mẫu vật gửi giám định ban đầu.

Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước các tài sản đã thu giữ của bị cáo Nguyễn Đức T gồm: 01 cân điện tử màu đen có chữ “POCKET SCALE” đã cũ; 01 chiếc điện thoại di động hiệu Nokia X1, màu đen, Imel 353289/05/424168/4, gắn sim 08234170xx (tình trạng đã cũ, không kiểm tra trong máy) và 01 chiếc điện thoại di động hiệu Samsung, màu bạc, Imel 355079/08/270316/1, gắn sim 03782417xx (điện thoại đã cũ, màn hình bị rạn nứt, trầy xước xung quanh, không kiểm tra tình trạng trong máy). Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước tài sản đã thu giữ của Trịnh Xuân T1 là 01 điện thoại di động hiệu Nokia, màu đen, Imel 1: 355810097116894, Imel 2: 35582609216895, gắn sim số: 09654990xx và 03995972xx (đựng trong 01 phong bì niêm phong).

Tuyên trả lại cho bị cáo Nguyễn Đức T 01 Giấy chứng minh nhân dân mang Nguyễn Đức T; trả lại cho bà Trịnh Thị Mỹ H (là con gái của Trịnh Xuân T1) 01 Giấy chứng minh nhân dân mang tên Trịnh Xuân T1).

(Vật chứng hiện đang lưu giữ tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk, có đặc điểm cụ thể theo các Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 06/10/2021 và ngày 28/10/2021).

3. Về án phí: Áp dụng Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Đức T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao (Vụ 1);
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- Phòng HSNV Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Văn phòng CQCSĐT Công an tỉnh Đ;
- Trại Tạm giam Công an tỉnh Đ;
- T.H.A hình sự Công an tỉnh Đ;
- Cục THADS tỉnh Đ;
- Sở Tư pháp tỉnh Đ;
- Đường sự;
- Bị cáo;
- Lưu Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trương Công Bình